

Số: 246/2020/QĐST-VHNGĐ

Phú Mỹ, ngày 21 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 547/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thụy Linh K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ Y, khu phố X, phường S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ông Dương Văn H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thụy Linh K và ông Dương Văn H là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 09 tháng 12 năm 2009 số vào sổ 110/2009, quyển số 01, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 12 năm 2020, ông H và bà K xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông H và bà K thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà K và ông H có 02 con chung là cháu Dương Quốc M, sinh ngày 26/9/2010 và Dương Thụy Nhã P, sinh

ngày 01/02/2015. Căn cứ theo nguyện vọng của cháu M, khi ly hôn ông H và bà K thỏa thuận giao cho bà K trực tiếp nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Sự thỏa thuận trên của đương sự là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Linh K và ông Dương Văn H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Linh K và ông Dương Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thụy Linh K và ông Dương Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Căn cứ theo nguyện vọng của con chung sự thỏa thuận giữa ông H và bà K, nay thống nhất giao cho hai cháu cháu Dương Quốc M, sinh ngày 26/9/2010 và Dương Thụy Nhã P, sinh ngày 01/02/2015 cho bà K trực tiếp nuôi cháu đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông H và bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả

cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thụy Linh K và ông Dương Văn H mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006045 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; ông H và bà K đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thái

